

QUYỀN TRẺ EM TRONG CÁC BẢN HIẾN PHÁP VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ YẾN*

Tóm tắt: Trong một Nhà nước dân chủ, quyền con người nói chung và quyền trẻ em nói riêng luôn chiếm một vị trí trung tâm. Trẻ em luôn là đối tượng nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước, gia đình và toàn xã hội. Điều này được khẳng định bằng việc Việt Nam là một trong những nước đầu tiên trên thế giới phê chuẩn Công ước của Liên Hợp quốc về quyền trẻ em. Nhìn nhận được vấn đề này, các bản Hiến pháp Việt Nam đều ghi nhận và bảo đảm quyền trẻ em một cách tối đa. So với các bản Hiến pháp trước thì Hiến pháp 2013 đã có sự kế thừa có chọn lọc và ghi nhận quyền trẻ em ở một tầm cao mới. Qua bài viết này, tác giả hy vọng sẽ mang lại cho bạn đọc cái nhìn toàn diện về quyền trẻ em trong các bản Hiến pháp, đặc biệt là Hiến pháp 2013.

Từ khóa: Hiến pháp, quyền trẻ em.

1. Khái lược chung về quyền trẻ em

1.1. Khái niệm chung về trẻ em, quyền trẻ em

Hiện nay, trên thế giới có rất nhiều quan điểm khác nhau về trẻ em. Trong Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em đã xác định trẻ em là người dưới 18 tuổi, trừ khi Luật pháp quốc gia công nhận tuổi thành niên sớm hơn. Định nghĩa pháp lý về một “trẻ em” nói chung là chỉ một đứa trẻ, là một người chưa tới tuổi trưởng thành. Tuy nhiên đối với các văn bản pháp luật trong nước có các quy định nhằm xác định thế nào là trẻ em. Điều 161 Bộ Luật Lao động 2013 quy định: “Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi”¹ nhưng Khoản

1 Điều 3 Bộ Luật này lại quy định: “Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động”² và khi sử dụng lao động dưới 15 tuổi thì phải tuân thủ quy định của thông tư 11/2013/TT-BLĐTBXH. Khoản 1 Điều 145 Bộ luật hình sự 2015 quy định: “Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ Luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”³. Như vậy có thể hiểu, người dưới 16 tuổi trong trường hợp này là trẻ em. Trước những bất cập về độ

* Thạc sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Bộ Tư pháp: *Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật*, <http://www.moj.gov.vn>

² *Tlđđ.*

³ <https://thuvienphapluat.vn>

tuổi được coi là “trẻ em”, tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Trẻ em. Theo đó tại Điều 1 Luật trẻ em quy định “trẻ em là người dưới 16 tuổi” nghĩa là không giới hạn trẻ em là công dân Việt Nam mà đối tượng áp dụng của Luật này bao gồm cả trẻ em là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam.

Có thể thấy, trẻ em có các quyền và quyền trẻ em nằm trong hệ thống quyền con người nên bảo vệ trẻ em thực chất là bảo vệ quyền con người ở giai đoạn sớm nhất. Do vậy, có thể hiểu “quyền trẻ em chính là quyền con người và là các quyền con người của trẻ em, được xây dựng dựa trên nhu cầu và đặc điểm của trẻ em, nhằm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của trẻ”.

1.2. Đặc điểm của quyền trẻ em

Trẻ em cũng là con người, là những thành viên của xã hội, là công dân của quốc gia nên phải được hưởng các quyền như người lớn và phải được các chủ thể khác tôn trọng, thực hiện các quyền đó theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do trẻ em khác người lớn nên quyền trẻ em có những đặc điểm riêng như sau:

- Do còn non nớt về thể chất và tinh thần, trẻ em chưa thể tự thực hiện và bảo vệ được các quyền con người của mình nên trẻ em được hưởng một số quyền ưu tiên và bị hạn chế một số quyền con người khác. Chẳng hạn, quyền sống của trẻ em được bảo đảm một cách tuyệt đối (Điều 6 Công ước Liên Hợp quốc về quyền trẻ em quy định “Các quốc gia thành viên công nhận rằng, mọi trẻ em đều có quyền có hữu được sống”; Điều 40 Bộ Luật Hình sự 2015 quy định: “Không

áp dụng hình phạt tử hình đối với người dưới 18 tuổi...”; mọi trẻ em đều được tạo điều kiện đến trường, trẻ em bậc tiểu học được miễn học phí; trẻ em dưới 6 tuổi được khám bệnh miễn phí...); trẻ em cũng không được thực hiện một số quyền như quyền bầu cử, quyền kết hôn...

- Do trẻ em là công dân đặc biệt, nhỏ tuổi, chưa có hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không thể tự mình thực hiện và bảo vệ quyền của mình mà chủ yếu là phụ thuộc vào người lớn nên gia đình, nhà trường, xã hội phải tạo điều kiện tốt nhất để bảo vệ quyền trẻ em⁴. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào thì việc ưu tiên bảo vệ quyền trẻ em luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong việc xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Một số quyền riêng biệt của trẻ em được ghi nhận trong hệ thống pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế như: Quyền được khai sinh; quyền không áp dụng mức án cao nhất...

- Đảng và Nhà nước ta luôn coi trẻ em là đối tượng cần được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của toàn xã hội. Do đó, để tạo điều kiện cho trẻ em được phát triển toàn diện, hệ thống pháp luật quốc gia quy định trẻ em được ưu tiên một số quyền như: quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu; quyền vui chơi, giải trí; quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng...

Bảo vệ quyền trẻ em là một trong những nội dung của bảo vệ quyền con người. Các quyền trẻ em được bảo vệ bằng cả hệ thống

⁴ Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người: “Quyền trẻ em”, Hà Nội, 6 - 2000.

pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Trong thời gian qua, vấn đề bảo vệ quyền trẻ em luôn được coi là nội dung đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển ở mỗi quốc gia và cộng đồng quốc tế.

2. Quy định về quyền trẻ em trong các bản Hiến pháp Việt Nam

2.1. Hiến pháp 1946

Thành công đầu tiên của lịch sử lập hiến nước ta là sự ra đời của Hiến pháp 1946. Đây là bản Hiến pháp đầu tiên của dân tộc, là một bước tiến lớn trong lịch sử phát triển của Nhà nước Việt Nam. Sự ra đời Hiến pháp 1946 mang một ý nghĩa pháp lý đặc biệt sâu sắc, là công cụ quan trọng bảo vệ nền độc lập dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng và thực hiện chủ quyền nhân dân. Lần đầu tiên, quyền tự do dân chủ được ghi nhận và bảo đảm thực hiện. Hiến pháp 1946 được Quốc hội thông qua ngày 9/11/1946 với 7 chương và 70 điều. Trong đó, chương “Quyền và nghĩa vụ của công dân” là chương thứ 2 gồm 18 Điều⁵. Ngay từ điều đầu tiên, Hiến pháp 1946 đã thể hiện quyền làm chủ của nhân dân “Tất cả các quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, trai gái, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”⁶. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, nhân dân Việt Nam được đảm bảo có quyền tự do, dân chủ. Điều 10 quy định “Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất

bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài...⁷. Trong tổng số các Điều quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân, Hiến pháp 1946 đã dành 2 Điều quy định trực tiếp về quyền trẻ em: “Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dỡng” (Điều 14)⁸; “Nền sơ học cưỡng bách và không học phí ở các trường sơ học địa phương, quốc dân thiếu số có quyền học bằng tiếng của mình. Học trò nghèo được chính phủ giúp” (Điều 15)⁹. Đặt trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, gian khổ thì việc quy định nội dung này ở điều 14 một lần nữa khẳng định ở điều 15 thể hiện quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước ta dành cho trẻ em. Quy định này đã phản ánh thái độ, cách nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề trẻ em. Khi sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm sâu sắc, niềm hy vọng lớn lao đối với thế hệ mầm non, thế hệ trẻ, những chủ nhân tương lai quyết định vận mệnh của đất nước. Qua phân tích trên cho thấy Hiến pháp 1946 là một bản Hiến pháp tiến bộ, mẫu mực trên nhiều phương diện, đặc biệt là việc ghi nhận những quyền cơ bản của trẻ em.

2.2. Hiến pháp 1959

Đứng trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng mới của dân tộc, Hiến pháp 1946 cần phải được bổ sung và thay đổi cho phù hợp với thực tiễn. Vì vậy, tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa I đã thông qua bản Hiến pháp mới thay thế Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1959. Hiến pháp 1959 ra đời tại thời điểm cách mạng, chính quyền nhân dân vừa trải qua

⁵ Trần Ngọc Đường: *Phát huy những giá trị lịch sử, chính trị, pháp lý của Hiến pháp năm 1946 trong sự nghiệp đổi mới hiện nay*, truy cập từ trang <http://quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/pages/anpham.aspx?AnphamItemID=258>

^{6, 7, 8, 9} <https://thuvienphapluat.vn>

một bước ngoặt là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Hiến pháp 1959 đã kế thừa những quy định tiến bộ về quyền trẻ em. Chương III Hiến pháp 1959 quy định “Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” gồm 21 điều, trong đó vấn đề về trẻ em và quyền trẻ em đã được điều chỉnh, bổ sung với những nội dung mới, đặc biệt là Điều 24 Hiến pháp 1959 quy định quyền trẻ em bên cạnh quyền của người mẹ “Nhà nước bảo hộ quyền lợi của người mẹ và của trẻ em, đảm bảo phát triển các nhà đỡ đẻ, nhà giữ trẻ, vườn trẻ”. Ngoài ra, Hiến pháp 1959 đã bổ sung những quy định mới về quyền con người như: Quyền khiếu nại tố cáo với cơ quan Nhà nước (Điều 29), Quyền làm việc (Điều 30), Quyền nghỉ ngơi (Điều 31).

Hiến pháp 1959 đã khẳng định lại các quyền cơ bản của công dân, đặc biệt là các quyền trẻ em trong Hiến pháp 1946, đồng thời điều chỉnh, bổ sung những quy định cho phù hợp với hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ. Đây có thể coi là một bước tiến mới trong lịch sử lập hiến Việt Nam.

2.3. Hiến pháp 1980

Hiến pháp 1980 ra đời đánh dấu giai đoạn đất nước hoàn toàn giải phóng, Việt Nam trở thành một quốc gia, một Nhà nước thống nhất. So với hai bản Hiến pháp trước thì Hiến pháp 1980 hoàn thiện hơn hẳn về nội dung và kỹ thuật lập hiến. Các quy định trong Hiến pháp 1980 đều được kế thừa từ các bản Hiến pháp trước, nhưng đó là sự kế thừa có chọn lọc. Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam, Hiến pháp năm 1980 dành một điều riêng quy định quyền của trẻ em (Điều 65) “Nhà nước và xã hội chú trọng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục thiếu

niên, nhi đồng, mở rộng dần việc đảm nhiệm nuôi dạy trẻ em, làm cho sinh hoạt, học tập và trưởng thành của trẻ em được bảo đảm”¹⁰. Có thể thấy, quy định riêng biệt này về quyền trẻ em đã xác định rõ nghĩa vụ của Nhà nước và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em, bảo đảm cho trẻ em phát triển bình thường, toàn diện. Điều 63 Hiến pháp 1980 bổ sung bốn nội dung: Nhà nước và xã hội có nghĩa vụ chăm lo nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và nghề nghiệp của phụ nữ để phát huy vai trò của phụ nữ trong xã hội; Nhà nước cần hoạch định chính sách lao động phù hợp với điều kiện của phụ nữ; Xã viên hợp tác xã cũng được hưởng phụ cấp sinh đẻ; Nhà nước và xã hội phải chăm lo phát triển các nhà hộ sinh, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, các nhà ăn công cộng và những cơ sở phúc lợi khác¹¹. Điều 64 Hiến pháp 1980 bổ sung bốn nội dung: khẳng định gia đình là tế bào của xã hội; hôn nhân được xây dựng trên các nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng; cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dạy con thành những công dân có ích cho xã hội, con có nghĩa vụ kính trọng và chăm sóc cha mẹ; Nhà nước và xã hội không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con.

Những phân tích trên cho thấy, Hiến pháp 1980 đã thể hiện sự tiến bộ vượt bậc về mặt nội dung lẫn hình thức trong việc điều chỉnh các quyền cơ bản của công dân, đặc biệt là xác lập những quyền mới của trẻ em.

¹⁰ Bộ Tư pháp: *Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật*, <https://moj.gov.vn>

¹¹ Ban Truyền thông Đoàn trưởng: *Nhân quyền trong các bản Hiến pháp Việt Nam*, <http://web.hcmulaw.ed.vn/>

2.4. Hiến pháp 1992

Sau một thời gian đi vào cuộc sống, nhiều nội dung của Hiến pháp 1980 không còn phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước. Đại hội VI (1986) của Đảng là bước ngoặt vĩ đại, mở ra một thời kỳ mới của đất nước. Tại Đại hội VI (1986), Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước và tại đây Đảng đã phân tích những ưu khuyết điểm của thời kỳ tập trung quan liêu, bao cấp. Quá trình xây dựng Hiến pháp 1992 là một cuộc sinh hoạt chính trị huy động được sức mạnh của toàn dân, toàn quân. Do vậy, đây là bản Hiến pháp thực sự đã thể hiện được ý chí, nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân cả nước. Ngày 15/4/1992, tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa VIII đã thông qua bản dự thảo Hiến pháp mới. Hiến pháp 1992 ra đời trên cơ sở có sự kế thừa những giá trị tiến bộ của các bản Hiến pháp trước, đồng thời sửa đổi căn bản, toàn diện những quy định không còn phù hợp với thực tế đất nước. Hiến pháp 1992 được gọi là bản Hiến pháp trong thời kỳ đầu của tiến trình đổi mới. Chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được đặt tại Chương 5 của Hiến pháp 1992, với tổng số 34 điều thì có 5 điều quy định trực tiếp về quyền trẻ em. Nếu Hiến pháp 1980 quy định học không phải trả học phí và khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền thì Điều 59 Hiến pháp 1992 đã sửa lại “bậc tiểu học là bắt buộc, không phải trả học phí” nhằm bảo đảm tất cả trẻ em đều được đến trường. Điều 61 Hiến pháp 1992 quy định “công dân có quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe. Nhà nước quy định

chế độ viện phí, chế độ miễn, giảm viện phí”. Điều 62 Hiến pháp 1980 quy định “công dân có quyền có nhà ở” nhưng thực tế điều này không thực hiện được nên Hiến pháp 1992 sửa lại “công dân có quyền xây dựng nhà ở theo quy hoạch và pháp luật”.

Trong những điều trực tiếp quy định về quyền trẻ em, tại Điều 65 quy định về chính sách đối với trẻ em, Điều 66 quy định về chính sách đối với thanh niên, Hiến pháp đã bổ sung thiết chế gia đình cùng các thiết chế khác phải có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và thanh niên. Việc bổ sung thiết chế này khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của gia đình, là cái nôi đầu tiên trong việc chăm lo, giáo dục trẻ em.

Có thể thấy, Hiến pháp 1992 là một bước phát triển nhảy vọt của lịch sử lập hiến nước ta. Bên cạnh những nội dung mới, tiến bộ thì đây là bản Hiến pháp được xây dựng có sự chất lọc tinh hoa của các bản Hiến pháp trước đó. Các quyền con người nói chung và quyền trẻ em nói riêng được hiến định trong Hiến pháp 1992 đã phản ánh được quyền làm chủ của nhân dân, phản ánh được hệ thống quan điểm mới về quyền trẻ em, bảo đảm thực hiện quyền trẻ em cũng là bảo đảm cho tương lai của đất nước.

2.5. Hiến pháp 2013

Sự ra đời mỗi bản Hiến pháp đều nhằm thực hiện những sứ mệnh của đất nước. Sau hơn 20 năm thi hành những quy định Hiến pháp 1992, cùng với sự biến động của thế giới, sự phát triển của đất nước thì những nội dung của Hiến pháp 1992 không còn phù hợp. Đứng trước tình hình đó, ngày

28/11/2013 tại kỳ họp thứ VI, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Hiến pháp 2013. Đây là bản Hiến pháp được chuẩn bị rất công phu, nghiêm túc, xem xét và tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp của đông đảo nhân dân, các chuyên gia, nhà khoa học trong cả nước.

Hiến pháp 2013 đã kế thừa những giá trị to lớn của các bản Hiến pháp trước đó, đồng thời tiếp thu, lĩnh hội những tư tưởng tiến bộ của pháp luật quốc tế sao phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Vấn đề nhân quyền, trong đó có quyền trẻ em được quy định tại Chương II của Hiến pháp 2013 (Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) với 36 điều, từ Điều 14 đến Điều 49. Sự thay đổi tên gọi của Chương (bổ sung thuật ngữ “quyền con người”) đã khẳng định vai trò quan trọng của quyền con người, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong việc bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. So với Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung thêm nhiều nội dung mang tính đột phá trong việc quy định quyền con người và quyền công dân, đặc biệt là những nội dung về quyền trẻ em. Đây là tiền đề và là nền tảng pháp lý để có những cải tiến mạnh mẽ, đột phá trong lĩnh vực chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Hiến pháp 2013 đã quy định trực tiếp những quyền trẻ em như: Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu (Khoản 3 Điều 35); Nhà nước bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em (Khoản 2 Điều 36); Trẻ em được Nhà nước, gia đình

và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em (Khoản 37); Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em (Khoản 2 Điều 58).

3. Thể chế hóa các quy định về quyền trẻ em theo Hiến pháp 2013

Trên tinh thần và các quy định về quyền trẻ em của Hiến pháp 2013 và Công ước Quốc tế về quyền trẻ em, ngày 5/4/2016, Quốc hội đã thông qua Luật Trẻ em, gồm 7 Chương và 106 Điều. Luật quy định 25 quyền của trẻ em trong đó có 2 quyền quy định riêng cho trẻ em khuyết tật và trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn. Luật Trẻ em 2016 ra đời thay thế cho Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 với những nội dung tiến bộ, sâu sắc, quy định rõ ràng, đầy đủ hơn về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền trẻ em. Ngoài việc quy định những quyền dành cho trẻ em, Luật Trẻ em 2016 còn quy định trách nhiệm của các chủ thể có liên quan trong việc phối hợp thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em; các hành vi bị nghiêm cấm; nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em là Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Các bổn phận của trẻ em được quy định bổ sung trong Luật Trẻ em 2016 phù hợp với chế định về nghĩa vụ công dân của Hiến

pháp 2013 như bốn phận đối với gia đình, nhà trường, cộng đồng, đất nước và chính bản thân các em.

Trong Chương IV Luật Trẻ em 2016 quy định cụ thể các yêu cầu bảo vệ trẻ em; các cấp độ bảo vệ trẻ em; trách nhiệm cung cấp; chăm sóc thay thế; các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng.

Luật Trẻ em 2016 cũng quy định cụ thể trách nhiệm của các chủ thể trong việc bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em, bao gồm: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cá nhân và cơ sở giáo dục.

Đây là sự cụ thể hóa những nội dung về quyền trẻ em của Hiến pháp 2013 nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện, xứng đáng là chủ nhân tương lai của đất nước.

Để thực thi hiệu quả Luật Trẻ em 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em 2016. Bên cạnh Hiến pháp 2013 và Luật Trẻ em 2016, còn có nhiều văn bản pháp luật khác quy định trực tiếp hoặc gián tiếp về quyền trẻ em ở nhiều lĩnh vực (hình sự, giáo dục, y tế, lao động, bảo hiểm, hôn nhân và gia đình...). Theo đó, học sinh tiểu học trường

công lập không phải đóng học phí; trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh miễn phí; nghiêm cấm lạm dụng sức lao động của người chưa thành niên; cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc tại các tổ chức, trừ một số nghề và công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bên cạnh hệ thống thể chế, pháp luật đang ngày càng hoàn thiện, các hoạt động truyền thông, giáo dục và vận động xã hội về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em cũng được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện, tạo sự chuyển biến tích cực về cung cấp, nâng cao chất lượng dịch vụ và phúc lợi xã hội dành cho trẻ em.

Ngay sau khi Luật Trẻ em 2016 có hiệu lực, Ủy ban quốc gia về quyền trẻ em được thành lập do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ điều phối trực tiếp. Việt Nam đã công bố tổng đài quốc gia 111 cho tất cả người dân gọi đến để thông tin, thông báo, tố cáo, tố giác về tình trạng xâm hại trẻ em.

Bảo vệ trẻ em hiện nay không còn là vấn đề riêng của mỗi quốc gia mà đã trở thành mối quan tâm chung của toàn nhân loại. Vấn đề này đã được Liên hợp quốc công nhận là một trong những Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và điều đó cho thấy sự quan tâm đặc biệt của cộng đồng quốc tế dành cho trẻ em. Trong các bản Hiến pháp Việt Nam, vấn đề quyền con người nói chung và quyền trẻ em nói riêng không

những được tiếp tục kế thừa mà còn được nâng lên một tầm cao mới, phản ánh được vị trí, vai trò của trẻ em - là tương lai của mỗi quốc gia, dân tộc và của toàn nhân loại. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Hiến pháp năm: 1946, 1959, 1980.
2. Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001).
3. Luật Trẻ em 2016.
4. Hoàng Thế Liên: *Hiến pháp năm 2013 - Những điểm mới mang tính đột phá*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2015.
5. Nguyễn Đăng Dung, Trịnh Quốc Toàn, Đặng Minh Tuấn: *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội Việt Nam năm 2013*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017.

6. Nguyễn Quốc Sưu: *Xây dựng và hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp ở Việt Nam hiện nay - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.

7. Vũ Ngọc Bình: *Giới thiệu Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

8. Tô Văn Hòa: *Đổi chiều Hiến pháp năm 2013 và Hiến pháp năm 1992*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014.

9. Kim Phượng: *Những điều cần biết về quyền trẻ em - Luật trẻ em và các Chương trình hành động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, giáo dục trẻ em*, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.

QUAN ĐIỂM ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ... (tiếp trang 52)

2. Ban Chấp hành Trung ương: *Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng bế mạc Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)*, Trung ương Đảng, Hà Nội, 2015.

3. Bộ Ngoại giao: *Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị ngoại giao lần thứ 29*, Hà Nội, 2016.

4. Bộ Ngoại giao: *Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị ngoại giao lần thứ 30*, Hà Nội, 2018.

5. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

6. Ban Chấp hành Trung ương: *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017.

7. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.